

KẾ HOẠCH
Thực hiện công khai năm học 2019 - 2020

Thực hiện Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành quy chế thực hiện công khai đối với các cơ sở giáo dục của hệ thống giáo dục quốc dân, Hiệu trưởng Trường THPT Lương Thế Vinh lập Kế hoạch thực hiện 3 công khai năm học 2019 - 2020 như sau:

I. Mục tiêu thực hiện công khai.

– Thực hiện công khai để người học, cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền và xã hội tham gia giám sát và đánh giá các cơ sở giáo dục và đào tạo theo quy định của pháp luật.

– Thực hiện công khai của nhà trường nhằm nâng cao tính minh bạch, phát huy dân chủ, tăng cường tính tự chủ và tự chịu trách nhiệm của nhà trường trong quản lý nguồn lực và đảm bảo chất lượng giáo dục.

II. Nội dung thực hiện.

1. Công khai cam kết chất lượng giáo dục và chất lượng giáo dục thực tế.

a) Cam kết chất lượng giáo dục:

Điều kiện về đối tượng tuyển sinh của cơ sở giáo dục; chương trình giáo dục mà cơ sở giáo dục thực hiện; yêu cầu phối hợp giữa cơ sở giáo dục và gia đình, yêu cầu thái độ học tập của học sinh; các hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt cho học sinh ở cơ sở giáo dục; kết quả đánh giá về từng năng lực, phẩm chất, học tập, sức khỏe của học sinh dự kiến đạt được; khả năng học tập tiếp tục của học sinh (Theo Biểu mẫu 09).

b) Chất lượng giáo dục thực tế:

Số học sinh xếp loại theo hạnh kiểm, học lực, tổng kết kết quả cuối năm, đạt giải các kỳ thi học sinh giỏi, dự xét hoặc dự thi tốt nghiệp, được công nhận tốt nghiệp, thi đỗ vào đại học, cao đẳng, học sinh nam/học sinh nữ, học sinh dân tộc thiểu số (theo Biểu mẫu 10).

2. Công khai điều kiện đảm bảo chất lượng nhà trường.

a) Cơ sở vật chất:

Số lượng, diện tích các loại phòng học, phòng chức năng, phòng nghỉ cho giáo viên, tính bình quân trên một học sinh; số thiết bị dạy học đang sử dụng, tính bình quân trên một lớp (theo Biểu mẫu 11).

b) Đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên:

Số lượng, chức danh có phân biệt theo hình thức tuyển dụng và trình độ đào tạo (theo Biểu mẫu 12).

3. Công khai thu chi tài chính

- Công khai tài chính theo các văn bản quy định hiện hành về quy chế công khai tài chính đối với các cấp ngân sách nhà nước, các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ, các dự án đầu tư xây dựng cơ bản có sử dụng vốn ngân sách nhà nước, các doanh nghiệp nhà nước, các quỹ có nguồn từ ngân sách nhà nước và các quỹ có nguồn từ các khoản đóng góp của nhân dân và các văn bản hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ. Thực hiện niêm yết các biểu mẫu công khai dự toán, quyết toán thu chi tài chính theo các văn bản quy định hiện hành về công khai quản lý tài chính.

- Công khai học phí và các khoản thu khác từ người học: mức thu học phí và các khoản thu khác theo từng năm học.

- Công khai các khoản chi theo từng năm học: các khoản chi lương, chi bồi dưỡng chuyên môn, chi hội họp, hội thảo, chi tham quan học tập trong nước; chi đầu tư xây dựng, sửa chữa, mua sắm trang thiết bị.

- Công khai kết quả kiểm toán (nếu có)

- Công khai chính sách học bổng và kết quả thực hiện trong từng năm học.

III. Hình thức và thời điểm công khai.

a) Hình thức:

- Công khai trên website của nhà trường
- Niêm yết công khai tại bảng tin.
- Công khai trong các kỳ họp, đại hội ban đại diện CMHS.

b) Thời điểm công khai:

Công khai vào tháng 6 hàng năm, khi kết thúc năm học, đảm bảo tính đầy đủ, chính xác và cập nhật khi khai giảng năm học (tháng 9) và khi có thông tin mới hoặc thay đổi.

IV. Tổ chức thực hiện và chế độ báo cáo

- Hiệu trưởng chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện các nội dung, hình thức và thời điểm công khai theo quy định. Thực hiện tổng kết, đánh giá công tác công khai nhằm hoàn thiện và nâng cao hiệu quả công tác quản lý.

- Tạo điều kiện thuận lợi cho công tác kiểm tra việc thực hiện công khai của nhà trường của các cấp.

- Thực hiện công bố kết quả kiểm tra vào thời điểm không quá 5 ngày sau khi nhận được kết quả kiểm tra của cơ quan chỉ đạo, chủ trì tổ chức kiểm tra và bằng các hình thức sau đây:

+ Công bố công khai trong cuộc họp với cán bộ, giáo viên, nhân viên của nhà trường.

+ Niêm yết công khai kết quả kiểm tra tại nhà trường đảm bảo thuận tiện cho cán bộ, giáo viên, nhân viên, cha mẹ học sinh hoặc người học xem xét.

+ Đưa lên trang thông tin điện tử của nhà trường.

Trên đây là kế hoạch Thực hiện công khai về chất lượng giáo dục thực tế, điều kiện đảm bảo chất lượng giáo dục và thu chi tài chính năm học 2019 - 2020 của trường THPT Lương Thế Vinh.

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG THPT LƯƠNG THẾ VINH

THÔNG BÁO

Cam kết chất lượng giáo dục của cơ sở giáo dục phổ thông

Năm học 2019 – 2020

STT	Nội dung	Chia theo khối lớp	
		Cấp 2 (Lớp 6, 7, 8, 9)	Cấp 3 (Lớp 10,11,12)
I	Điều kiện tuyển sinh	Theo KH của UBND Quận 1	Theo quy định của Sở giáo dục
II	Chương trình giáo dục mà cơ sở giáo dục thực hiện	Theo quy định của Bộ Giáo dục	
III	Yêu cầu về phối hợp giữa cơ sở giáo dục và gia đình. Yêu cầu về thái độ học tập của học sinh	<ul style="list-style-type: none"> - Thường xuyên trao đổi thông tin về tình hình học tập của học sinh. - Thái độ học tập chủ động, tích cực, siêng năng, trung thực, sáng tạo, hòa nhã với bạn bè, tôn trọng, thầy cô và cán bộ, giáo viên, công nhân viên. 	
IV	Các hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt của học sinh ở cơ sở giáo dục	<ul style="list-style-type: none"> - Các hoạt động: hoa phượng đỏ, về nguồn, thăm các di tích lịch sử, các câu lạc bộ đội nhóm (khoa học sáng tạo, học thuật, nghệ thuật, mỹ thuật ...), các hoạt động giáo dục kỹ năng sống, hoạt động trải nghiệm, giáo dục giá trị sống. 	
V	Kết quả đạo đức, học tập, sức khỏe của học sinh dự kiến đạt được	<ul style="list-style-type: none"> - Phần đầu rèn luyện sức khỏe tốt, đạo đức tốt. - 95% học sinh khối 9 đậu tốt nghiệp THCS và 90% đậu tuyển sinh lớp 10 công lập. - Trên 90% học sinh khối 6, 7, 8 lên lớp. 	<ul style="list-style-type: none"> - Phần đầu rèn luyện sức khỏe tốt, đạo đức tốt - 100% học sinh khối 12 đậu tốt nghiệp THPT QG. - 100% học sinh khối 10, 11 lên lớp.
VI	Khả năng học tập tiếp tục của học sinh	<ul style="list-style-type: none"> - Học sinh có năng lực tự chủ trong cuộc sống, khả năng tự học, tự tin thích nghi với các môi trường học tập khác nhau. 	

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp						
			Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9	Lớp 10	Lớp 11	Lớp 12
	quốc tế								
V	Số học sinh dự xét hoặc dự thi tốt nghiệp					305			338
VI	Số học sinh được công nhận tốt nghiệp					298			338
1	Giỏi (tỷ lệ so với tổng số)					123 41,3 %			
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)					127 42,6 %			
3	Trung bình (Tỷ lệ so với tổng số)					48 16,1 %			
VII	Số học sinh thi đỗ đại học, cao đẳng (tỷ lệ so với tổng số)								
VIII	Số học sinh nam/số học sinh nữ	1173/1186	191/163	190/163	171/153	161/144	149/194	155/187	156/182
IX	Số học sinh dân tộc thiểu số	184	38	33	29	21	17	20	26

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG THPT LƯƠNG THẾ VINH

THÔNG BÁO
Công khai thông tin cơ sở vật chất nhà trường
Năm học 2019 – 2020

60 lớp, 2386 học sinh

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Số phòng học	71	1,9 m ² /học sinh
II	Loại phòng học		
1	Phòng học kiên cố	55	
2	Phòng học bán kiên cố		
3	Phòng học tạm		
4	Phòng học nhờ		
5	Số phòng học bộ môn	13	
6	Số phòng học đa chức năng (có phương tiện nghe nhìn)	3	
7	Bình quân lớp/phòng học		
8	Bình quân học sinh/lớp		
III	Số điểm trường		
IV	Tổng số diện tích đất (m²)	6500	
V	Tổng diện tích sân chơi, bãi tập (m²)	1300	
VI	Tổng diện tích các phòng	4566	
1	Diện tích phòng học (m ²)	54 m ² x 55	
2	Diện tích phòng học bộ môn (m ²)	930 m ²	
3	Diện tích thư viện (m ²)	168 m ²	
4	Diện tích phòng khác (...)(m ²)	P. Đoàn-Đội: 24 m ² P. Truyền thống: 102 m ²	
VII	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)		
1	Khối lớp 10	66	8

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
2	Khối lớp 11	66	8
3	Khối lớp 12	88	11
4	Khối lớp 6	66	7,3
5	Khối lớp 7	66	7,3
6	Khối lớp 8	66	7,3
7	Khối lớp 9	88	9,7
8	Khu vườn sinh vật, vườn địa lí (diện tích/thiết bị)	2 (90m ²)	
VIII	Tổng số máy vi tính đang sử dụng phục vụ học tập (Đơn vị tính: bộ): 405		5,9 học sinh/bộ

IX	Tổng số thiết bị đang sử dụng		Số thiết bị/lớp
1	Ti vi	5	
2	Cát xét		
3	Đầu Video/đầu đĩa	1	
4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể	23	
5	Thiết bị khác...	08	

	Nội dung	Số lượng (m ²)
X	Nhà bếp	30 m ²
XI	Nhà ăn	100 m ²

	Nội dung	Số lượng phòng, tổng diện tích (m ²)	Số chỗ	Diện tích bình quân/chỗ
XII	Phòng nghỉ cho học sinh bán trú			
XIII	Khu nội trú			

XIV	Nhà vệ sinh	Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m ² /học sinh	
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	2		10		
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*					

(*Theo Quyết định số 07/2007/QĐ-BGDĐT ngày 02/4/2007 của Bộ GDĐT ban hành Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học và Quyết định số 08/2005/QĐ-BYT ngày 11/3/2005 của Bộ Y tế quy định về tiêu chuẩn vệ sinh đối với các loại nhà tiêu)

	Nội dung	Có	Không
XV	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	x	
XVI	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	x	
XVII	Kết nối internet (ADSL)	x	
XVIII	Trang thông tin điện tử (website) của trường	x	
XIX	Tường rào xây	x	

ST T	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo						Hạng chức danh nghề nghiệp			Chuẩn nghề nghiệp			
			TS	Ths	ĐH	CD	TC	Dưới TC	Hạng III	Hạng II	Hạng I	Xuất sắc	Khá	Trung bình	Kém
2	Nhân viên kế toán	2			1			1							
3	Thủ quỹ	1			1										
4	Nhân viên y tế	1					1								
5	Nhân viên thư viện	4				1									
6	Nhân viên thiết bị, thí nghiệm														
7	Nhân viên hỗ trợ giáo dục người khuyết tật														
8	Nhân viên công nghệ thông tin	1					1								

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 9 năm 2019

HIỆU TRƯỞNG

Bùi Minh Tâm